

MỆNH ĐỀ TRẠNG NGỮ CHỈ KẾT QUẢ (SUCH... THAT)

Hệ thống Lý thuyết Chuyên sâu, Phân tích Ngữ pháp & Khoảng 20 Ví dụ Minh họa Mở rộng

1. Tổng quan & Bản chất Cấu trúc Such... That

Cấu trúc **such... that** được sử dụng để nhấn mạnh mức độ, tính chất của một sự vật, sự việc (được biểu thị qua danh từ hoặc cụm danh từ), từ đó dẫn đến một kết quả thực tế ở mệnh đề sau (**that-clause**).

Nguyên tắc cốt lõi ("Dịch là Diệt"): Khi học cấu trúc này, học sinh cần nắm vững bản chất cụm danh từ đi sau **such** để dịch chính xác sắc thái biểu cảm, tránh dịch máy móc từng từ.

2. Công thức Cơ bản & Các Biến Thể Thường Gặp

Loại cấu trúc	Công thức chi tiết	Trường hợp áp dụng
Danh từ đếm được số ít	S + V + such + a/an + Adj + N(số ít) + that + S + V	Có mạo từ a/an đứng trước tính từ và danh từ đếm được số ít.
Danh từ số nhiều / không đếm được	S + V + such + Adj + N(số nhiều / không đếm được) + that + S + V	Không có mạo từ a/an khi danh từ ở dạng số nhiều hoặc không đếm được.
Cấu trúc với "Many / Much / Few / Little"	S + V + such + many/few + N(số nhiều) + that + S + V S + V + such + much/little + N(không đếm được) + that + S + V	Nhấn mạnh số lượng lớn hoặc nhỏ bất thường dẫn đến kết quả.

3. Hệ thống Ví dụ Minh họa Mở rộng (Phân theo Cấp độ & Ngữ cảnh)

Dưới đây là hệ thống gần 20 ví dụ minh họa chi tiết từ cơ bản đến nâng cao (CEFR **B1-C2**), bao gồm dịch nghĩa song ngữ:

Nhóm A: Danh từ đếm được số ít (Có a/an)

1. It was such a good film that I saw it twice. **B1**

→ Đó là một bộ phim hay đến nỗi mà tôi đã xem nó hai lần.

2. She is such a brilliant teacher that all her students successfully passed the national exam.

B2

→ Cô ấy là một giáo viên xuất sắc đến mức tất cả học sinh của cô ấy đều vượt qua kỳ thi quốc gia.

3. It was such an expensive car that none of us could afford to buy it.

B2

→ Đó là một chiếc ô tô đắt tiền đến mức không ai trong chúng tôi đủ khả năng mua nó.

4. He is such a reliable friend that everyone confides in him whenever they face troubles.

C1

→ Anh ấy là một người bạn đáng tin cậy đến nỗi ai cũng tâm sự với anh ấy mỗi khi gặp rắc rối.

5. It was such a complex problem that the senior engineers spent hours solving it.

C1

→ Đó là một bài toán phức tạp đến mức các kỹ sư thâm niên đã mất hàng giờ đồng hồ mới giải quyết được.

Nhóm B: Danh từ không đếm được (Không có a/an)

6. We had such terrible weather that we had to cancel our picnic.

B1

→ Chúng tôi gặp thời tiết tệ đến nỗi phải hủy buổi dã ngoại.

7. There was such overwhelming information in the lecture that I felt completely lost.

B2

→ Có quá nhiều thông tin ngập tràn trong bài giảng đến mức tôi cảm thấy hoàn toàn lạc lõng.

8. She showed such remarkable patience that everyone in the conference room admired her.

C1

→ Cô ấy thể hiện sự kiên nhẫn đáng kinh ngạc đến nỗi mọi người trong phòng họp đều ngưỡng mộ.

9. The project requires such meticulous attention that only seasoned experts can handle it.

C2

→ Dự án đòi hỏi sự chú ý tỉ mỉ đến mức chỉ các chuyên gia kỳ cựu mới có thể đảm nhận.

10. There is such delicious food at the party that guests kept coming back for more.

B1

→ Có những món ăn rất ngon tại bữa tiệc đến mức khách cứ quay lại lấy thêm.

Nhóm C: Danh từ số nhiều (Không có a/an)

11. They are **such friendly people** that we felt at home immediately. **B1**

→ Họ là những con người thân thiện đến mức chúng tôi cảm thấy như ở nhà ngay lập tức.

12. He made **such careless mistakes** in the test that he failed to get the scholarship. **B2**

→ Anh ấy mắc những lỗi cẩu thả trong bài kiểm tra đến mức trượt học bổng.

13. There were **such fascinating books** in the library that I spent the whole weekend reading. **B2**

→ Có những cuốn sách vô cùng hấp dẫn trong thư viện đến nỗi tôi đã dành cả cuối tuần để đọc.

14. The museum displayed **such priceless artifacts** that strict security measures were mandatory. **C1**

→ Bảo tàng trưng bày những hiện vật vô giá đến mức các biện pháp an ninh nghiêm ngặt là bắt buộc.

15. She encountered **such daunting challenges** during her startup journey that many expected her to quit. **C2**

→ Cô ấy gặp phải những thử thách vô cùng nản lòng trong hành trình khởi nghiệp đến nỗi nhiều người nghĩ cô ấy sẽ bỏ cuộc.

Nhóm D: Cấu trúc nâng cao với Many, Much, Few, Little

16. There were **such many applicants** for the position that the HR department took weeks to review. **B2**

→ Có quá nhiều ứng viên cho vị trí này đến nỗi phòng nhân sự mất nhiều tuần để xem xét.

(Lưu ý: Trong văn phong hiện đại thường dùng "so many", tuy nhiên "such many" vẫn xuất hiện trong một số ngữ pháp nhấn mạnh truyền thống).

17. He had **such little experience** in management that the board hesitated to promote him. **C1**

→ Anh ấy có quá ít kinh nghiệm quản lý đến nỗi ban quản trị lưỡng lự khi thăng chức cho anh ấy.

18. There were **such few tickets** left that we had to queue overnight in the cold. **C1**

→ Còn lại quá ít vé đến mức chúng tôi phải xếp hàng qua đêm trong giá lạnh.

4. Phân biệt Nhanh: SO... THAT vs. SUCH... THAT

Tiêu chí	Cấu trúc SO... THAT	Cấu trúc SUCH... THAT
Từ đi sau So/ Such	Đi với Tính từ (Adj) hoặc Trạng từ (Adv)	Đi với Danh từ / Cụm danh từ (Noun Phrase)
Công thức cơ bản	$S + V + so + Adj/Adv + that + S + V$	$S + V + such + (a/an) + Adj + N + that + S + V$
Ví dụ minh họa	The weather is so cold that we stay inside.	It is such cold weather that we stay inside.

CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH TƯƠNG TÁC “FROM ZERO TO MASTER”

Hệ thống chạy mượt mà trên Chrome, Firefox, Cốc Cốc, Opera (Không hỗ trợ Internet Explorer cũ).

Mọi thắc mắc về chuyên môn và kỹ thuật, xin vui lòng liên hệ:

Mr. Lê Đại Phong | Phone & Zalo: **0971386608** | Email: **typhoon620@gmail.com**

Luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & Tốt nghiệp THPT Quốc gia tại: www.tienganhhaiphong.vn **CLICK HERE** →